

Số: 134 /BC-THCSLN

Cần Giờ, ngày 26 tháng 5 năm 2025

### **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT  
Năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục”.

Trường THCS Lý Nhơn báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình, cụ thể như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Lý Nhơn
- Địa chỉ: Ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh
- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập
- Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn xác định tầm nhìn đến năm 2025 là một trong những trường có uy tín về chất lượng của huyện, là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, phấn đấu đến năm 2025 trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao, đào tạo những người có lý tưởng sống cao đẹp, mạnh về trí lực, khỏe về thể chất, có kỹ năng sống văn minh, có tư duy độc lập, biết giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc. Đồng thời, thực hiện sứ mệnh: “Phát huy tối đa sở trường của giáo viên để đưa đến học sinh phương pháp giáo dục sáng tạo, kỹ năng truyền đạt sinh động. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, văn minh giúp học sinh phát triển tối đa năng lực, năng khiếu tiềm ẩn của cá nhân. Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường giáo dục những giá trị cốt lõi như

Phấn đấu để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt được những giá trị sau :

- Luôn đoàn kết, chia sẻ, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau

- Tinh thần trách nhiệm; ý thức phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân.
- Có khát vọng vươn lên và đam mê sáng tạo trong công tác.
- Khỏe mạnh về thể chất, tinh thần; có định hướng nghề nghiệp cụ thể.

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ và học sinh đã học tiểu học tại Trường Tiểu học Lý Nhơn và Vàm Sát ở các ấp: ấp Lý Thái Bửu, Tân Điền, Dương Văn Hạnh, Lý Hòa Hiệp và Vàm Sát

Trường có tổng diện tích 7.600 m<sup>2</sup>, bao gồm khối Phòng học, phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập, khối hành chính, hội trường, diện tích sân chơi,... Trường được xây dựng theo mô hình 01 trệt 02 lầu đối với khối phòng học, phòng bộ môn và 01 trệt 01 lầu đối với khối hành chính. Các phòng học, phòng làm việc đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường luôn được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ, Đảng ủy và chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng vươn lên của cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường, nhiều năm liền trường đã được công nhận tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, cán bộ quản lý, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 27 người. Về học sinh, trường hiện có 08 lớp cho khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 230 học sinh.

Chi bộ nhà trường gồm có 11 đảng viên, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà trường và đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh. Các tổ chức Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều phối hợp hoạt động tích cực vì mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Công tác quản lý chất lượng giáo dục trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục

theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được tăng cường và đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng. Hằng năm, nhà trường đều có đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng công nghệ thông tin. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương đạo đức, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh, những chuyên viên tâm lý,... kết hợp với nội dung cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhà trường luôn nỗ lực tích cực trong hoạt động phong trào thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở nhà trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức như: tự học, học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Về quản lý tài chính và tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn. Cán bộ lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong công tác quản lý và điều hành.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là cơ sở vật chất bị xuống cấp một số hạng mục như: trang thiết bị dạy học còn hạn chế chưa đủ đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Phạm Văn Công

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giuộc, TP Hồ Chí Minh

+ Số điện thoại: 02822414513

+ Web site: thcslynhon.hcm.edu.vn

- Tổ chức bộ máy:

+ Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn được thành lập theo Quyết định số 555/1998/QĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. Cơ sở nằm trên đường Lý Nhơn, ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 2032/QĐ-UBND của chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ngày 30 tháng 12 năm 2024 gồm 11 thành viên, trong đó chủ tịch hội đồng là ông Phạm Văn Công, Hiệu trưởng, bí thư chi bộ nhà trường và 10 thành viên khác đúng theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện hành.

- Nhà trường xây dựng đầy đủ chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, nghị quyết hội đồng trường, quy chế nội bộ khác.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			Hoàn thành BDTX		
			T	S	DH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá		Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	27	0	0	21	0	2	4	6	15	0	4	16	0	0	20
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	17	0	0	18	0	0	0	3	15	0	3	14	0	0	18
1	Toán	2			2	0			1	1			2			2
2	Lý															
3	Hóa	1			1					1			1			1
4	Sinh	2			2					2			2			2

5	Địa	1		1				1		1			1
6	Tin học	0											
7	Nông nghiệp												
8	Công nghiệp	1		1				1		1			1
9	Nữ Công	1		1				1		1			1
10	Văn	2		2				2		2			2
11	Sử	1		1				1		1			1
12	GDCD	1		1			1			1			1
13	Giáo dục thể chất	1		1				1		1			1
14	Âm nhạc	1		1				1		1			1
15	Mỹ Thuật	1		1			1			1			1
16	Tiếng Anh	2		2			1	1		2			2
17	Toomh phụ trách	1		1				1		1			1
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		<b>2</b>			<b>2</b>
1	Hiệu trưởng	1		1				1		1			1
2	Phó hiệu trưởng	1		1				1		1			1
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>							
1	Nhân viên văn thư	1				1							
2	Nhân viên kế toán	1		1									
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	1				1							

5	Nhân viên thư viện																		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																		
7	Nhân viên phục vụ	2						2											
8	Nhân viên bảo vệ	2						2											
9	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																		
10	Nhân viên công nghệ thông tin																		

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	13	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	13	2,8 m <sup>2</sup> /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
5	Số phòng học bộ môn	04	m <sup>2</sup> /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	m <sup>2</sup> /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng học	-
8	Bình quân học sinh/lớp	230 HS/08 lớp	28 HS/lớp
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-

IV	Tổng số diện tích đất (m <sup>2</sup> )	7,600 m <sup>2</sup>	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	2.168 m <sup>2</sup>	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	728 m <sup>2</sup>	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	408 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	120 m <sup>2</sup>	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	260 m <sup>2</sup>	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	46 m <sup>2</sup>	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7		bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8		bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9		bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	Không	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	37 bộ	01 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8	01 cái/lớp
2	Cát xét	2	0.25 cái/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa		cái/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		cái/lớp
5	Thiết bị khác...		
6	.....		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trong quá trình tự đánh giá 5 Tiêu chuẩn theo 03 mức 1, 2, 3 mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn đã đánh giá được những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về công tác quản lý và tổ chức nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; về công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và kết quả giáo dục học sinh là Tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỷ lệ học sinh tham gia các kỳ thi, hội thi cấp huyện, cấp thành phố đạt thành tích đáng khích lệ.

Đối chiếu với kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt:

Mức 1: 28/28, tỷ lệ 100%;

Mức 2: 28/28, tỷ lệ 100%;

Mức 3: 10/20, tỷ lệ 50,00 %.

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí không đạt:

Mức 1: 00/28, tỷ lệ 0,0%;

Mức 2: 00/28, tỷ lệ 0,0%;

Mức 3: 10/20, tỷ lệ 50,00%.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo Rèn luyện</b>	<b>230</b>	<b>53</b>	<b>65</b>	<b>60</b>	<b>52</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	138 60.00%	23 43.23%	32 49.23%	38 63.33%	45 86.54%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	85 36.96%	30 56.56%	29 44.67%	19 31.46%	7 13.46%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	07 3.04%	0	04 6.15%	03 5.00%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>230</b>	<b>53</b>	<b>65</b>	<b>60</b>	<b>52</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	26 11.30%	05 9.43%	09 13.85%	04 6.67%	8 15.38%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	97 42.17%	29 54.72%	23 35.38%	24 40.00%	21 40.38%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	102 44.35%	19 35.85%	31 47.69%	29 48.33%	23 44.23%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	05 2.17%	0	02 3.08%	003 5.00%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>230</b>	<b>53</b>	<b>65</b>	<b>60</b>	<b>52</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	225/230 97.83%	53/53 100%	63/65 96.92%	57/60 95.00%	52/52 100.00%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	01/230 0.43%	0	0	0	01/52 01.92%

b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25/230 10.87%	05/53 19.12%	09/65 13.85%	04/60 6.67%	07/52 13.46%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	05/230 2.17%	0	02/53 3.08%	03/60 5.00%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	02/234 0.85%	01/54 1.85%	0	01/61 1.64%	0
a	Chuyển đến					
b	Chuyển đi	02/234 0.85%	01/54 1.85%	0	01/61 1.64%	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>					
1	Cấp huyện					
a	Văn hóa	2				2
b	Tuần hoàn rác thải nhựa					
c	Văn hay chữ tốt	4				
d	TĐTT	11	0	2	4	5
e	Ong sáng tạo					
f	Nét vẽ xanh					
g	Phong trào Đội TNTP Hồ Chí Minh					
h	Tin học trẻ	0	0	0	0	0
i	Lớn lên cùng sách	1				1
k	Máy tính Casio	0	0	0	0	0

2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>52</b>	00	00	00	52
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>52</b>	00	00	00	52
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	122/110	33/30	35/30	28/29	31/21
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>02</b>	0	01	01	0

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### Báo cáo tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính 2024:

1. Nguồn ngân sách: 8.593.111.378 đồng

- NSNN cấp (13): 5.087.951.000 đồng
- NSNN cấp CCTL (14): 3.231.960.378 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập cho HS (12): 39.300.000 đồng
- Miễn giảm học phí, 2 buổi ngày (12): 233.900.000 đồng.

2. Nguồn sự nghiệp (học hai buổi ngày):

- Thu: 177.890.000 đồng.
- Chi: 177.890.000 đồng.
- Tồn: 0 đồng.

3. Nguồn dịch vụ (học phí) : 0 đồng

Đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức và người lao động về lương và các khoản phụ cấp theo lương đúng theo quy định nhà nước: chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 8.593.111.378 đồng.

Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 180.759.895 đồng.

4. Chi khác: 1.660.000 đồng

- Thực hiện và giải quyết đầy đủ các chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng, chi phí học tập đối với người học: 273.200.000 đồng
- Số dư các quỹ theo quy định thực hiện đúng theo quy định tài chính kế toán, thực hiện đúng luật kế toán trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.
- Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định các nội dung công khai về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Thực hiện tốt việc củng cố đoàn kết nội bộ.
- Xây dựng và củng cố văn hóa nhà trường.
- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh.
- Bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu giáo dục theo chương trình 2018.
- Thực hiện nghiêm túc chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.
- Chăm lo tốt cho đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

